

Nghiên cứu về người cha và vai trò người cha trong gia đình - cách tiếp cận và các yếu tố tác động

Lê Thị Hồng Hải*

Tóm tắt: Người cha và vai trò người cha trong gia đình là một trong những chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau quan tâm và thực sự nở rộ vào nửa sau thế kỷ 20. Bài viết tìm hiểu các quan điểm, cách tiếp cận trong lĩnh vực nghiên cứu này cũng như các yếu tố tác động đến quan niệm nhận thức và việc thực hiện vai trò người cha trong gia đình đã được đề cập trong các nghiên cứu của phương Tây. Các quan điểm, cách tiếp cận được trình bày trong bài viết này gồm: quan điểm cấu trúc chức năng, quan điểm nữ quyền và cách tiếp cận xã hội học lịch sử. Các yếu tố tác động được các nghiên cứu quan tâm thuộc các chiều cạnh khác nhau: mối quan hệ vợ-chồng của người làm cha, các yếu tố liên quan đến người mẹ, các yếu tố của người cha, của người con, và các yếu tố liên quan đến hoàn cảnh xung quanh. Bài viết nhằm giới thiệu về một lĩnh vực nghiên cứu còn chưa nhận được nhiều sự quan tâm ở Việt Nam trong thời gian qua¹.

Từ khóa: Gia đình; Người cha; Vai trò người cha.

Ngày nhận bài: 15/9/2020; ngày chỉnh sửa: 2/10/2020; ngày duyệt đăng: 5/11/2020.

1. Đặt vấn đề

Người cha và vai trò người cha trong gia đình đã được các nhà nghiên cứu quan tâm chú ý từ nửa đầu thế kỷ 20, đặc biệt là tại Mỹ và phương Tây.

Số lượng lớn phụ nữ tham gia thị trường lao động vào cuối thế kỷ 20 được coi là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến những

* Th.S., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Cơ sở “Vai trò người cha trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2020.

thay đổi lớn trong đời sống gia đình (Cabrera và cộng sự, 2000). Khoảng cách giới trong việc làm được xác định bằng khác biệt trong tỉ lệ tham gia lao động giữa nam và nữ đã ngày càng được thu hẹp trong toàn bộ các nước phương Tây.

Ở Anh, những năm 1970, dưới 10% nam giới trong độ tuổi lao động không làm việc hoặc đang tìm việc. Tỷ lệ này ở nhóm phụ nữ kết hôn là 40% và không kết hôn là 30% (McRae, 1999:5). Năm 1979, số phụ nữ không hoạt động kinh tế ở Anh là 4,6 triệu người, nhưng giảm xuống còn 1 triệu vào năm 1997. Ngược lại, số nam giới trong độ tuổi lao động ở Anh không có việc làm đã tăng gấp đôi từ 1979 đến 1997 (ONS 1992-3, 1998).

Ở Mỹ, vào năm 1950, chỉ 12% phụ nữ có con nhỏ đi làm, con số này tăng lên khoảng 67% vào năm 1997 (Cabrera và cộng sự, 2000), và tăng lên 77,5% vào năm 2012 (Chambers, 2012). Phụ nữ đi làm đã có đóng góp kinh tế cho gia đình, khiến số gia đình chỉ có một nguồn thu giảm và giúp quan hệ vợ chồng bình đẳng hơn. Hơn nữa, khi phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động thì họ trở nên độc lập và tự tin hơn, vị thế xã hội của họ được củng cố và vai trò cũng như quyền lợi của họ được coi trọng hơn.

Một thay đổi nữa đáng ghi nhận ở xã hội phương Tây là tỉ lệ hộ gia đình chỉ có một người hoặc gia đình chỉ có một bố hoặc mẹ tăng lên trong các thập kỷ gần đây và tỷ lệ chung sống không kết hôn cũng gia tăng theo thời gian. Tỉ lệ sống chung không kết hôn ở Anh đã tăng gấp đôi trong thời gian từ 1996 đến 2012 (ONS, 2013). Ở Mỹ, vào năm 1950, 93% trẻ em sống trong gia đình hạt nhân, 5-6% trẻ sống cùng mẹ và 1% sống cùng cha. Vào năm 1998 tỷ lệ này lần lượt là 73%, 22% và 5% (Chamber, 2012).

Tỉ lệ ly hôn đã tăng theo thời gian. Ở Anh và xứ Wales vào năm 1970 tỉ lệ ly hôn sau 15 kết hôn là 22% đã tăng lên 33% vào năm 1995 và đến năm 2010, 42% các cuộc kết hôn kết thúc bằng ly hôn (ONS, 2011). Đối với toàn bộ liên minh châu Âu, tỉ lệ ly hôn trên 1000 người là 1,0 vào năm 1970, tăng lên 1,6 vào năm 1990 và đến năm 2009 là 1,9 (Eurostat, 2013).

Những thay đổi từ kinh tế, văn hóa xã hội phương Tây đã dẫn đến những thay đổi trong gia đình, như sự đa dạng của các loại hình gia đình; sự gia tăng của: gia đình có hai người tạo thu nhập, gia đình đơn thân, chung sống không kết hôn, các cuộc ly hôn. Kết quả là có những người cha sống cùng, người cha không sống cùng, người cha sinh học, cha dượng, cha nuôi. Do đó, những người cha đã phải thay đổi thái độ của mình đối với gia đình để có thể thích ứng với những hoàn cảnh mới. Các nhà nghiên cứu phương Tây đã có những nghiên cứu đa chiều đối với vấn đề vai trò người cha trong gia đình. Bài viết tập trung tìm hiểu cách tiếp

cận và các yếu tố tác động đã được đề cập trong các nghiên cứu của phương Tây về người cha và vai trò người cha trong gia đình.

2. Cách tiếp cận trong nghiên cứu người cha và vai trò người cha trong gia đình

Quan điểm cấu trúc-chức năng cho rằng, người mẹ và người cha được cho là thực hiện hai vai trò khác biệt, bổ sung cho nhau: người vợ - người mẹ chủ yếu được mong đợi thực hiện một chức năng “cảm xúc” hoặc tình cảm tập trung vào các mối quan hệ nội bộ; người nuôi dạy con cái và đảm bảo sự ổn định cảm xúc cơ bản của trẻ (Ruspini, 2007). Trong khi đó, người chồng - người cha được kỳ vọng sẽ tiếp nhận vai trò công cụ của người cung cấp dịch vụ thiết yếu, người hỗ trợ cả gia đình và chịu trách nhiệm quản lý các mối quan hệ với thế giới bên ngoài (Lupton, Barclay, 1997: 53).

Quan điểm của những người theo chủ nghĩa cấu trúc chức năng không chỉ củng cố các giá trị văn hóa và khuôn mẫu về vai trò trụ cột của người cha, mà còn biến nó thành vai trò mà người cha phải hoàn thành (Parsons, 1956). Những người đàn ông làm cha được khuyến khích kiếm việc làm được trả lương bên ngoài gia đình, và “vai trò làm cha” được đặt tại nơi làm việc. Ý thức hệ nhị nguyên về người nội trợ và người cha trụ cột gia đình này đã nhấn mạnh tầm quan trọng của gia đình hạt nhân và cho rằng đây là hình thức gia đình tốt nhất để sinh con và nuôi dạy con cái (Tanfer, Mott, 1997). Quan niệm của các nhà cấu trúc chức năng về vai trò công cụ của người cha và trụ cột gia đình vẫn có ảnh hưởng lâu dài đến việc làm cha ngày nay (Daly, 1993).

Quan điểm nữ quyền cho rằng khái niệm đơn giản và dai dẳng về “chế độ làm cha truyền thống” đã được tranh luận để yêu cầu sửa đổi thành một thứ gì đó gắn kết hơn về mặt tình cảm, bình đẳng giới và không còn dựa trên sự thống trị về kinh tế và gia trưởng (Silverstein, 1996).

Là một nhà nữ quyền, Chodorow (1978) cho rằng nam giới khó có thể đóng vai trò chăm sóc do “phụ nữ đến với việc làm mẹ vì được phụ nữ chăm sóc”. Ngược lại, việc được phụ nữ chăm sóc làm giảm khả năng nuôi dạy con cái của nam giới (Chodorow, 1978: 211). Cách tiếp cận này cũng cho rằng, hầu hết nam giới được chăm sóc và nuôi dưỡng hoàn toàn bởi chính mẹ của họ (có nghĩa là thiếu kinh nghiệm nhận biết sớm về cha) khi trưởng thành họ sẽ phải đối mặt với nhiều khiếm khuyết trong việc trở thành người cha tận tụy và thể hiện cảm xúc (Daly, 1993). Chodorow kết luận rằng về lâu dài, giải pháp cho vấn đề này là phân chia công việc nhà và việc chăm sóc con cái một cách bình đẳng hơn trong gia đình, người cha chịu nhiều trách nhiệm hơn

trong việc nuôi dạy con cái. Nhờ đó, tình cảm gắn bó và khẳng định hơn sẽ phát triển giữa cha và con ngay từ thuở ấu thơ. Quan điểm về vai trò giới của thể hệ sau có thể thay đổi, khi trẻ em trai và gái coi mẹ ngang bằng với bố và xây dựng một tình cảm vững chắc và độc lập của bản thân không dựa trên những khuôn mẫu giới và phân công lao động theo giới (Lupton, Barclay, 1997). Bernard (1981) chỉ ra rằng người vợ thường chấp nhận toàn bộ gánh nặng việc nhà và chăm sóc con cái nếu chồng họ là trụ cột chính về kinh tế. Tuy nhiên các nhà nữ quyền cũng cho rằng cần phải định nghĩa lại việc nhà và cần phải coi đó là một công việc (Mederer, 1993).

Các học giả nữ quyền thúc đẩy việc định nghĩa lại người cha với việc nhấn mạnh đến vai trò nuôi dưỡng cũng như vai trò trợ cấp. Hochschild (1989) phát hiện rằng lý do phổ biến của các xung đột giữa vợ chồng thường xuất phát từ sự phân công trách nhiệm đối với việc nhà thiếu công bằng. Một mặt, các nhà nữ quyền đề nghị các bậc làm cha làm mẹ coi trách nhiệm nuôi dưỡng và trợ cấp đều là vai trò hàng đầu của họ, mặt khác, kêu gọi tổ chức lại nơi làm việc để có thể hỗ trợ cho người lao động thực hiện cùng lúc việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong gia đình và làm việc ở bên ngoài (Silverstein, 1996).

Các nhà nghiên cứu xã hội học lịch sử cho rằng "Làm cha" là một khái niệm đa dạng (Roggman và cộng sự, 2002), xuất hiện dưới nhiều hình thức, đa chiều và linh hoạt, được xác định trên cả phương diện văn hóa và cá nhân, đó là sản phẩm của xã hội, (Dowd, 2000; Mead, 1969), liên quan đến địa vị, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của nam giới với tư cách là người cha. Trải qua không gian, thời gian, phụ thuộc vào những mong đợi xã hội ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau thì một hình thức nào đó có xu hướng trở nên nổi bật và các hình thức khác có xu hướng mờ nhạt hơn (Lamb, 2000).

Theo LaRossa (1988), Lamb (1987) và Pleck (1998), có 4 hình thức làm cha cơ bản xuất hiện trong suốt chiều dài lịch sử của Mỹ và Anh, bao gồm:

Người cha như là người giám sát đạo đức - xuất hiện trong xã hội tiền công nghiệp ở Anh và Mỹ vào những năm 1800. Theo đó, người cha được xem là người giám sát về đạo đức, nắm giữ quyền lực tối cao đối với con cái, dạy bảo và đưa con cái vào khuôn khổ bằng việc áp đặt các chuẩn mực đạo đức (Rotundo, 1985); khuyến bảo con cái về những mong đợi của xã hội cũng như tôn giáo đối với chúng, đảm nhận trách nhiệm đảm bảo con cái họ lớn lên với những giá trị phù hợp với mong đợi của xã hội (Lamb, 2000). Cả cha và mẹ trong gia đình Anh Mỹ thời kỳ tiền công nghiệp cùng chia sẻ việc chăm sóc con cái, tuy nhiên vai trò của cha và mẹ là không giống nhau. Thực tế, vai trò của người mẹ được cho là chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và xây dựng mối quan hệ mật thiết với trẻ nhỏ

(Rotundo, 1985), còn vai trò người cha thường là có nhiều ảnh hưởng hơn tới sự phát triển của con cái lớn (LaRossa, 2007).

Người cha là người trụ cột (kinh tế) ở xa gia đình - xuất hiện vào thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, thế kỷ 19, khi nam giới đi làm suốt thời gian trong ngày tại các công xưởng, khoảng cách giữa nhà ở và nơi làm việc cũng ngày càng xa, việc liên lạc hàng ngày với gia đình bị hạn chế (Furstenberg, 1988). Người cha vẫn giữ vai trò là người dẫn dắt về đạo đức cho con cái bằng cách thiết lập tiêu chuẩn cơ bản về đạo đức và là người trọng tài trong giáo dục gia đình khi người mẹ không phân giải được (Pleck, 1998:355). Hơn nữa, vì nam giới đi làm ở các nhà máy và được trả công còn người phụ nữ làm nội trợ ở nhà không được trả công nên phụ nữ thường bị coi là ít giá trị hơn nam giới (Nock, 1992:64). Mặt khác trong nhiều gia đình, vì người cha không còn ở nhà hoặc ít có mặt ở nhà để chia sẻ việc nhà, người mẹ phải chịu trách nhiệm gần như toàn bộ việc chăm sóc và nuôi dưỡng con cái trong gia đình (Lamb, 2000). Điều này dẫn đến sự chia tách vai trò làm cha và làm mẹ trong việc nhà (Cowan, 1987) và củng cố quan niệm phụ nữ có thiên chức với việc nhà và chăm sóc con cái (Waller, McLanahan, 1999).

Người cha là hình mẫu vai trò giới (the sex-role model) - Bắt đầu từ giữa thế kỷ 20, vai trò người cha đã có những thay đổi và trở thành hình mẫu về vai trò giới cho con cái họ, đặc biệt là cho con trai (Pleck, 1998). Điều này không có nghĩa là các chiều cạnh khác của vai trò làm cha như cung cấp về vật chất và hướng dẫn về đạo đức không còn quan trọng (Lamb, 2000). Tuy nhiên, sau thế chiến thứ hai, các nhà nghiên cứu và các nhà chuyên môn thường chú ý nhiều hơn cách mà người cha ảnh hưởng đến con cái trong quá trình phát triển vai trò giới và bản dạng cá nhân trên quan điểm dị tính (Ngô Ngân Hà, 2015).

Giữa thế chiến thứ nhất và thứ hai đã có hàng nghìn người cha tham gia chiến trường và nhiều người không trở về, trong nhiều gia đình, con cái được nuôi dạy bởi mẹ và/hoặc ông bà. Điều này gây lo ngại về tình trạng làm mẹ quá mức của những năm hậu chiến tranh (Burnett và cộng sự, 2011). Nhiệm vụ hàng đầu của người cha là dạy con cái những giá trị như: sự trung thành, trách nhiệm, tự chủ cá nhân, chỉ cho chúng thấy thực tế của thế giới bên ngoài gia đình. Đối với con trai, người cha là người hướng dẫn chúng hòa nhập với đời sống gia đình một cách tích cực (Williams, 2008:489); và cách trở thành đàn ông qua việc làm gương cho chúng (Burnett và cộng sự, 2011).

Người cha tham gia (chăm sóc) - từ những năm 70 trở đi, đã có những thay đổi đáng kể trong các khuôn mẫu, mô hình làm cha, đáng chú ý nhất là sự xuất hiện của mô hình người cha nuôi dưỡng mới (the new nurturant father) hay người cha có tham gia (involved father) (Lamb, 2000:27). Hobson (2002) mô tả sự thay

đổi đáng chú ý này là sự chuyển đổi từ kiếm tiền sang chăm sóc (cash to care), dần ông không còn bận tâm đến trụ cột kinh tế của gia đình và trở nên gần bó hơn với con cái của họ. Vì phụ nữ bắt đầu tham gia nhiều hơn vào lao động, nam giới dần dần tham gia làm việc nhà và chăm sóc con cái nhiều hơn (Benokraitis, 2011:307). Bằng chứng gợi ý rằng làm cha ngày nay, ít nhất là những người cha đang sống cùng với gia đình, thì khác biệt với những hình ảnh làm cha trước đây ở một số khía cạnh cơ bản: có mặt khi con chào đời, tương tác và chăm sóc con cái một cách cụ thể từ khi trẻ còn rất nhỏ, và chủ động hơn trong tham gia chăm sóc nuôi dạy con cái (Devreux, 2007, Pleck, 1998).

Rõ ràng, địa vị, quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến việc làm cha luôn thay đổi theo thời gian và giữa các nền văn hóa. Như lập luận của Dick: "Khái niệm làm cha đang biến đổi, và cách một người đàn ông được mong đợi để hành động như một người cha đã thay đổi đáng kể theo thời gian" (Dick, 2004:491). Văn hóa làm cha và ứng xử của những người cha thay đổi từ thập kỷ này sang thập kỷ khác khi các điều kiện chính trị và xã hội thay đổi (LaRossa, 2012).

3. Các yếu tố tác động được xem xét

Việc làm cha không chỉ là tập hợp hành vi của mỗi cá nhân nam giới hoặc thậm chí là một tập hợp hành vi của mỗi quan hệ cha con, mà là một quá trình đa phương liên quan đến cha, mẹ, trẻ em, đại gia đình, cộng đồng rộng lớn hơn, các nền văn hóa và thể chế. Vai trò người cha là sản phẩm của ý nghĩa, niềm tin, động cơ, thái độ và hành vi của tất cả các bên liên quan này trong cuộc sống của trẻ em (Doherty, Kouzeski và Erickson, 1998). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò người cha trong gia đình được các nghiên cứu xem xét bao gồm: mối quan hệ vợ chồng của người làm cha, yếu tố của người mẹ, yếu tố của người cha, yếu tố của người con, yếu tố liên quan đến hoàn cảnh xung quanh.

Mối quan hệ cha mẹ

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng chất lượng của mối quan hệ cha con cả trong và ngoài hôn nhân tương quan chặt chẽ với chất lượng của mối quan hệ giữa người cha và người mẹ hơn là mối quan hệ mẹ con (Cox và cộng sự, 1989; Feldman, Levy-Shiff, Israelashvili, 1988). Người cha có vẻ xa rời con khi họ không hòa hợp với người mẹ, trong khi các bà mẹ không có xu hướng này. Đây là một cách để hiểu xu hướng của người cha muốn loại bỏ mình khỏi cuộc sống của con cái sau khi chia tay với người mẹ, đặc biệt nếu họ có mối quan hệ tiêu cực với người mẹ (Ahrons, Miller, 1993). Furstenberg và Cherlin (1991) đã khẳng định, đối với nhiều người đàn ông, hôn nhân và làm cha mẹ là một "thỏa thuận trọn gói". Hoặc người ta có thể nói rằng trong văn hóa Mỹ, phụ nữ là mẹ cả đời, nhưng

đàn ông là cha nếu anh ta có vợ. Hơn nữa, nếu anh ta có vợ nhưng không hòa hợp với cô ấy, anh ta có thể hiện diện với tư cách là một người cha, nhưng chất lượng của mối quan hệ của anh ta với con cái của anh ta có thể bị ảnh hưởng.

Một lý do khiến việc làm cha đặc biệt nhạy cảm với mối quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ cha mẹ là các tiêu chuẩn và kỳ vọng về việc làm cha dường như thay đổi nhiều hơn so với các tiêu chuẩn và kỳ vọng về việc làm mẹ. Trong các gia đình có nhiều thương lượng về những gì người cha sẽ làm hơn những gì người mẹ sẽ làm, và do đó, các ông bố phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng và kết quả của những cuộc thương lượng đó (Backett, 1987). Như Lewis và O'Brien (1987) đã nêu, nam giới có "mô tả công việc" làm cha ít rõ ràng hơn phụ nữ làm mẹ. Do đó, hành vi của người cha sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi ý nghĩa và kỳ vọng của chính bản thân họ, cũng như kỳ vọng của người mẹ, của con cái, của đại gia đình, và kỳ vọng của các nền văn hóa và của các thiết chế rộng hơn.

Yếu tố người mẹ

Trong số những tác động bên ngoài đối với việc làm cha, vai trò của người mẹ có ý nghĩa đặc biệt, vì người mẹ đóng vai trò là đối tác và đôi khi là người gác cổng trong mối quan hệ cha con, cả trong và ngoài hôn nhân (De Luccie, 1995). Có bằng chứng cho thấy, ngay cả trong các mối quan hệ hôn nhân hòa thuận, sự tham gia của người cha với con cái, đặc biệt là trẻ nhỏ, thường phụ thuộc vào thái độ và kỳ vọng của người mẹ đối với sự hỗ trợ tham gia vào việc chăm sóc con cái của người cha (De Luccie, 1995; Simons và cộng sự, 1990). Marsiglio (1991) nhận thấy rằng các đặc điểm của bà mẹ có tương quan chặt chẽ với sự tham gia của ông bố hơn là các đặc điểm riêng của ông bố. Đặc điểm việc làm của người mẹ có liên quan chặt chẽ đến sự tham gia chăm sóc con cái của người cha hơn là đặc điểm việc làm của người cha; khi các bà mẹ đi làm, tỷ lệ nuôi dạy con cái của các ông bố tăng lên (Pleck, 1981).

Yếu tố hoàn cảnh

Các nghiên cứu cho thấy việc làm cha dễ bị tổn thương hơn so với việc làm mẹ. Theo đó, so với vai trò làm mẹ thì vai trò làm cha dễ bị tác động bởi hoàn cảnh và thể chế, như việc thiết lập quan hệ pháp lý cha con hay tình trạng thất nghiệp. Thu nhập thấp và công việc thấp kém dường như có ảnh hưởng đặc biệt tiêu cực đến việc thực hiện vai trò người cha (Thomson và cộng sự, 1994). Jones (1991) cho thấy có xu hướng từ bỏ các trách nhiệm kinh tế và trách nhiệm tâm lý tình cảm ở những người cha nghèo, thất nghiệp và những người cha đang trải qua các cuộc khủng hoảng tài chính và việc làm. McLoyd (1990), khi tìm hiểu vấn đề khó khăn kinh tế trong các gia đình người Mỹ gốc Phi, đã mô tả sự tác động của nghèo đói và phân biệt chủng tộc đến sự căng thẳng về tâm lý và cách nuôi dạy

con cái của người cha trong những gia đình này. Theo đó, nghèo đói và phân biệt chủng tộc dẫn đến cách nuôi dạy con tiêu cực hơn (McLoyd, 1990).

Các yếu tố dân tộc và văn hóa đã có những tác động đáng kể tới việc thực hiện vai trò người cha. Trách nhiệm làm cha được thể hiện qua việc hỗ trợ kinh tế cho gia đình gần như được mong đợi ở mọi nền văn hóa (Lamb, 1987). LaRossa (2012), đã chứng minh rằng sự thay đổi kỳ vọng về văn hóa trong phần đầu của thế kỷ 20 đã dẫn đến sự tham gia nhiều hơn của những người cha vào hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng con cái ở Hoa Kỳ.

Tác động của sự hỗ trợ xã hội đối với việc thực hiện vai trò người cha trong gia đình cũng được các nhà nghiên cứu xem xét. Trong mô hình lý thuyết về nuôi dạy con cái của mình, Belsky (1984) đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của hỗ trợ xã hội tới việc thực hiện vai trò người cha trong gia đình. McLoyd (1990) cũng chỉ ra rằng, hỗ trợ xã hội là một yếu tố quan trọng trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của nghèo đói đối với hành vi nuôi dạy con cái. Pleck (1997) khi tìm hiểu các nghiên cứu về những hạn chế của hỗ trợ xã hội ngoài gia đình đối với việc làm cha đã nhận thấy rằng các nghiên cứu này còn sơ sài và không nhất quán, ngoại trừ mô hình là những người cha tham gia nhiều vào việc chăm sóc con cái có xu hướng gặp phải thái độ tiêu cực từ người quen, họ hàng và đồng nghiệp. Rõ ràng là cần có các nghiên cứu xem xét các nguồn và ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đối với việc làm cha.

Yếu tố con cái

Khi xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của người cha trong gia đình, các nghiên cứu có đề cập đến các yếu tố liên quan đến con cái nhưng dường như không nổi bật như các khía cạnh khác. Kết quả nghiên cứu đã có cho thấy các ông bố dường như cảm thấy dễ dàng gần bó hơn với con trai của mình, đặc biệt là các con trai lớn, có lẽ vì chúng đồng điệu với họ và khiến họ cảm thấy thoải mái hơn khi giao tiếp với chúng (Marsiglio, 1991). Theo Pleck (1997) người cha có xu hướng quan hệ tương tác với con trai nhiều hơn con gái, đặc biệt là với những người con lớn hơn. Khi con cái lớn hơn, người cha ít tham gia chăm sóc hơn. Những ông bố có nhiều con tham gia chăm sóc con cái nhiều hơn. Người cha quan tâm nhiều hơn đến người con đầu lòng, người con thiếu tháng hoặc người con có tính khí khó chịu.

Yếu tố người cha

Xác định vai trò, kỹ năng và cam kết của người cha là những ảnh hưởng quan trọng đến việc làm cha (Ihinger-Tallman và cộng sự, 1995; Pleck, 1997). Ba yếu tố này cũng có vẻ khác nhau giữa các ông bố, dao động từ mức thấp đến mức cao cùng với một số yếu tố giữa các cá nhân và bối cảnh như kỳ vọng của người mẹ và tình trạng cư trú của người cha đối với con cái (Marsiglio, 1995; Ihinger-

Tallman và cộng sự, 1995). Trong văn hóa Mỹ, người cha được trao nhiều quyền hạn hơn để cam kết, quyết định và đầu tư cho khả năng thực hiện vai trò nuôi dạy con cái của họ. Nhưng cũng chính điều này lại mang đến cho nhiều người sự bối rối trong cách thực hiện vai trò làm cha của mình (Daly, 1995).

Một số nghiên cứu cho thấy rằng mối quan hệ của người cha với cha mình có thể là một yếu tố, thông qua đó nam giới điều chỉnh việc làm cha của mình. Họ có thể xác định rõ ràng hơn về ý thức, những cam kết làm cha hiệu quả hơn và có thể rút kinh nghiệm từ những thiếu sót của cha mình (Daly, 1995). Snarey (1993), trong một nghiên cứu theo chiều dọc đã ghi lại vai trò của các mối liên hệ đa thế hệ giữa những người cha.

Các yếu tố sức khỏe tâm lý và đặc điểm việc làm của người cha đã được nghiên cứu rộng rãi. Các nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tích cực giữa sức khỏe tâm lý của người cha (và người mẹ) với thái độ và kỹ năng nuôi dạy con cái của họ (Cox và cộng sự, 1989; Levy-Shiff, Israelashvili, 1988; Pleck, 1997). Nghiên cứu về mất việc làm và khó khăn kinh tế nói chung đã xem xét sự suy giảm sức khỏe tâm lý cũng như các yếu tố trung gian dẫn đến việc làm cha khó khăn hơn (Elder và cộng sự, 1985; Jones, 1991). Và các tình huống công việc của người cha như có lịch trình cụ thể hoặc thời gian linh hoạt đã được chứng minh là có mối quan hệ với sự tham gia chăm sóc con cái của họ (Pleck, 1997).

Việc đưa nhiều yếu tố vào một mô hình thách thức các nhà nghiên cứu kiểm tra xem tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng như thế nào đến tất cả các lĩnh vực của việc làm cha. Cần có nhiều nghiên cứu định tính hơn để khám phá các loại hình phát triển bản sắc và thương lượng xã hội tạo thành kinh nghiệm làm cha trong xã hội đương đại (Doherty, Kouneski và Erickson, 1998).

4. Kết luận

Người cha và vai trò người cha trong gia đình, theo thời gian dần đã được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều hơn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi kinh tế - xã hội ngày càng nhanh mà mạnh. Các nghiên cứu thường mong muốn chỉ ra những thay đổi trong quan niệm, nhận thức, chuẩn mực, giá trị, niềm tin về người cha và vai trò người cha trong gia đình cũng như những thay đổi trong thực hành, thực hiện vai trò của người cha. Thomson và Walker (1995) ghi nhận rằng quan điểm của các nhà nghiên cứu về vai trò người cha đã có thay đổi rõ rệt hơn một thế kỷ qua, tuy nhiên những gì người cha làm trong thực tế lại thay đổi rất ít (Thomson và Walker, 1995:858).

LaRossa (2007) và Dermott (2008) đã chỉ ra khoảng cách giữa "văn hóa" và "thực hành" của việc làm cha. Theo LaRossa, (1988) mặc dù người ta thường cho

rằng văn hóa và ứng xử của một xã hội là đồng bộ, nhưng thực tế nhiều khi chúng hoàn toàn không đồng bộ. Trong một xã hội đang thay đổi nhanh chóng, các lực lượng đối kháng có thể dẫn đến những thay đổi trong văn hóa nhưng không phải trong ứng xử, và ngược lại. Sự khác biệt giữa văn hóa và ứng xử đặc biệt có liên quan khi cố gắng đánh giá xem liệu vai trò người cha có thay đổi hay không vì bằng chứng sẵn có về lịch sử vai trò làm cha cho thấy văn hóa làm cha thay đổi nhanh hơn so với các hành vi ứng xử. Hay nói cách khác, những thay đổi trong hành vi thì chưa theo kịp với những thay đổi trong nhận thức (LaRossa, 1988:451). Mỗi thế hệ hun đúc lý tưởng văn hóa về người cha và vai trò người cha theo thời gian và điều kiện riêng, và mỗi thế hệ phải giải quyết khoảng cách không thể tránh khỏi giữa "văn hóa" làm cha và "ứng xử" làm cha trong gia đình.

Những thay đổi về văn hóa và xã hội bắt đầu từ thế kỷ 20, trong đó có chủ nghĩa nữ quyền và kết quả là phụ nữ tham gia thị trường lao động, toàn cầu hóa thị trường và thông tin, chính trị bảo vệ bình đẳng giới, tạo ra những kỳ vọng mới về vai trò của người cha, người trước đây chịu trách nhiệm đảm bảo tài chính của gia đình (Eerola, Huttunen, 2011). Ngày nay, người cha được mong đợi tham gia nhiều hơn và hiệu quả hơn vào nuôi dạy con cái, người cha bắt đầu chia sẻ việc nhà, chăm sóc con cái, và phải cân đối giữa nhu cầu của công việc và của gia đình (Pleck, 2004). Người ta cũng quan sát thấy sự xuất hiện của các nghiên cứu về "người cha mới" nhằm xác định lại vai trò của người cha hiện nay trong gia đình và trên thế giới, bắt đầu từ giả định rằng thế giới, xã hội, gia đình và cha mẹ đang ở trong một quá trình phức tạp xây dựng lại, định dạng lại các bản sắc và hành vi, từ đó sẽ nảy sinh các hình thức thực hành và kinh nghiệm làm cha khác nhau (Krob, Piccinini, Silva, 2009).

Tài liệu trích dẫn

- Ahrons, C.R., Miller, R.B. 1993. "The effect of the postdivorce relationship on paternal involvement: A longitudinal analysis". *American Journal of Orthopsychiatry*, 63, pp.441-450.
- Bernard, J. 1981. "Societal values and parenting". *The Counseling Psychologist*, 9 (4) pp 5-11.
- Belsky, J. 1984. "The determinants of parenting: A process model". *Child Development*, 55, pp.83-96.
- Burnett, S., Gatrell, C., Cooper, C., Sparrow, P. 2011. "Fatherhood and flexible working: A contradiction in terms?" In Kaiser, S., Ringlsetter, M. J., Eikhof, D. R., Cunha, M. P (eds.) *Creating balance? International perspective on the worklife integration of professional*. Springer Berlin Heidelberg, pp. 157-171.
- Cabrera, N. J., Tamis-LeMonda, C. S., Bradley, R. H., Hofferth, S., Lamb, M. E. 2000. "Fatherhood in the Twenty-first century". *Child Development*, 71(1) pp. 127-136.

- Chambers, D. 2012. *A sociology of family life: Change and diversity in intimate relations*. Cambridge: Polity Press.
- Chodorow, N. 1978. *The reproduction of mothering: Psychoanalysis and sociology of gender*. Berkely, CA: University of California Press.
- Cox, M.J., Owen, M.T., Lewis, J.M., Henderson, V.K. 1989. "Marriage, adult adjustment, and early parenting". *Child Development*, 60, pp.1015-1024.
- Cowan. 1987. "Women's work, housework and history: History roots of inequality in work-force-participation". In Gestel, N. and Gross, H.E. (eds.) *Families and work*. Philadelphia: Temple University Press, pp, 164-177.
- Daly, K.J. 1995. "Reshaping fatherhood: Finding the models". In W. Marsiglio (ed.) *Fatherhood: Contemporary theory, research, and social policy*. Thousand Oaks: Sage Publications, pp. 21-40.
- Daly, K. 1993. "Reshaping fatherhood: Finding the models". *Journal of Family Issue*, 14, pp. 510-530.
- De Luccie, M.F. 1995. "Mothers as gatekeepers: A model of maternal mediators of father involvement". *The Journal of Genetic Psychology*, 156, pp.115-131.
- Dermott, E. 2008. *Intimate fatherhood: A sociological analysis*. New York: Routledge.
- Devreux, A. M. 2007. "New fatherhood" in practice: Domestic and parental work perform by men in France and in Netherland". *Journal of Comparative Family Studies*, 38(1), pp. 87-103.
- Dick, G. L. 2004. "The fatherhood scale". *Research on Social Work Practice*, 80(2), pp. 80-92.
- Doherty, W. J., Kouneski, E. F., Erickson, M. F. 1998. Responsible Fathering: An Overview and Conceptual Framwork. *Journal of Marriage and Family*, 60(2), pp. 277-292.
- Dowd, N. E. 2000. *Redefining fatherhood*. New York: New York University Press.
- Eerola, J. P., Huttunen, J. 2011. "Metanarrative of the "New Father" and narratives of the Young Finnish first-time fathers". *Fathering*, 9(3), pp.211-231.
- Elder, G., Van Nguyen, T., Caspi, A. 1985. "Linking family hardship to children's lives". *Child Development*, 56. pp.361-375.
- Eurostat. 2013. Crude divorce ratem selected years, 1960-2011. [https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=File:Crude_divorce_rate,_selected_years,_1960-2011_\(1\)_per_1_000_inhabitants-de.png](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=File:Crude_divorce_rate,_selected_years,_1960-2011_(1)_per_1_000_inhabitants-de.png).
- Furstenberg, F.F. 1988. "Good dads- bad dads: Two faces of fatherhood". In Cherlin, A. J. (ed.) *The Changing American family and public Policy*. Washington: Urban Institute, pp. 193-218.
- Furstenberg, F.F., Cherlin, A.J. 1991. *Divided families: What happens to children when parents part*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Hobson, B. 2002. *Making men into fathers: Men, masculinities and the social politics of fatherhood*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Hochschild, A. R. 1989. *The second shift: Working parent and revolution at home*. New York: Viking.

- Ihinger-Tallman, M., Pasley, K., Buehler, C. 1995. "Developing a middle-range theory of father involvement postdivorce". In W. Marsiglio (ed.) *Fatherhood: Contemporary theory, research, and social policy*. Thousand Oaks: Sage Publications, pp. 57-77.
- Jones, L. 1991. "Unemployed fathers and their children: Implications for policy and practice". *Child and Adolescent Social Work Journal*, 8, pp.101-116.
- Lamb, M. E. 2000. "The history of research on father involvement: An overview". *Marriage and Family Review*, 29(2/3) pp. 23-42.
- Lamb, M. E. 1987. "Introduction: The emergent American father". In Lamb, M. E. (ed.) *The father role: Cross-culture perspective*. New Jersey: Lawrence Erlbaum Inc, pp 3-25.
- LaRossa, R. 2012. "The historical study of fatherhood: theoretical and methodological considerations". In Mechtild Oechsle, Ursula Muller, and Sabine Hess (eds.) *Fatherhood in later modernity: Cultural images, social practices, structural frames*. Germany: Barbara Budrich Publisher, pp. 37-58.
- LaRossa, R. 1988. "Fatherhood and social change". *Family Relations*, 37(4), pp. 451-457.
- LaRossa, R. 2007. "The culture and conduct of fatherhood in America: 1800 to 1960". *Japanese Journal of Family Sociology*, 19(2), pp. 87-98.
- Levy-Shiff, R., Israelashvili, R. 1988. "Antecedents of fathering: Some further exploration". *Developmental Psychology*, 24, pp.434-440.
- Lewis, C., O'Brien, M. 1987. "Constraints on fathers: Research, theory and clinical practice". In C. Lewis, M. O'Brien, (eds.) *Reassessing fatherhood: New observations on fathers and the modern family*. London: Sage Publications, pp. 1-19.
- Lupton, D., Barclay, L. 1997. *Constructing fatherhood: Discourses and experiences*. London: SAGE.
- Marsiglio, W. 1995. "Father's diverse life course patterns and roles: Theory and social interventions". In W. Marsiglio (ed.) *Fatherhood: Contemporary theory, research, and social policy*. Thousand Oaks: Sage Publications, pp. 78-101.
- Marsiglio, W. 1991. "Paternal engagement activities with minor children". *Journal of Marriage and the Family*, 53, pp.973-986.
- McLoyd, V.C. 1990. "The impact of economic hardship on black families and children: Psychological distress, parenting, and socioemotional development". *Child Development*, 61, pp.311-346.
- Mcad, M. 1969. *Male and female: A Study of sexes in a changing world*. New York: Dell.
- Ngô Ngân Hà. 2015. *Fatherhood and masculinity in the Red River Delta, Vietnam: A comparative study of men's attitudes and experiences*. Manchester Metropolitan University. PhD. Thesis.
- Nock, S. L. 1992. *Sociology of the family*. London: Prentice-Hall International.
- ONS. 2013. *Birth in England and Wales 2010*. Office National for Statistics.
- ONS. 2011. *Divorces in England and Wales 2010*. Office National for Statistics.
- Parsons, T. 1956. "The American family: Its relations to personality and to the social structure". In Parsons, T. and Bales, R. F. (eds.) *Family socialisation and interaction process*. London: Routledge and Kegan Paul, pp. 13-33.

- Pleck, J. H. 2004. "Paternal Involvement by U.S. residential fathers. Leaves, sources and consequences". In M. E. Lamb (ed.) *The Role of the Father in Child Development*. New York: John Wiley, pp. 222-272.
- Pleck, J.H. 1997. "Paternal involvement: Levels, sources, and consequences". In M.E. Lamb (ed.) *The role of the father in child development*. Third edition. Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum.
- Pleck, J.H. 1998. "American fathering in historical perspective". In Hansen, K. V. and Garey, A. I. (eds.) *Family in the U.S.: Kinship and Domestic Politics*. Philadelphia. Temple University Press, pp. 351-362.
- Pleck, J. H. 1997. "Fatherhood ideals in the United States". In M.E. Lamb (ed.) *The role of the father in child development*. Third edition. Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum, pp. 33-48.
- Roggman, Goggman, L. A., Fitzgerald, H. E., Bradley, R. H., Raikes. 2002. "Methodological, measurement and design issues in studying father: An interdisciplinary perspective". In Tamis-LeMonda, C. S. and Cabrera, N. (eds.) *Handbook of father involvement: Multidisciplinary perspectives*. New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates, pp. 1-30.
- Rotundo, E. A. 1985. "American fatherhood: A historical perspective". *American Behavioral Scientist*, 29, 1, pp. 7-25.
- Simons, R., Whitbeck, L., Congar, R., and Melby, J. 1990. "Husband and wife differences in determinants of parenting: A social learning and exchange model of parental behavior". *Journal of Marriage and the Family*, 52, pp.375-392.
- Silverstein, L.B. 1996. "Fathering is a feminist issue". *Psychology of Women Quarterly*, 20, pp.3-37.
- Tanfer, K. and Mott, F. 1997. *The meaning of fatherhood for men*. Urban Institute, Washington D.C.
- Thomson, E., Hanson, T., McLanahan, S.S. 1994. "Family structure and child well-being: Economic resources versus parent socialization". *Social Forces*, 73, pp.221-242.
- Thomson, L. and Walker, A. J. 1995. "The place of feminism in family studies". *Journal of Marriage and Family*, 57(4), pp. 847-865.
- Ruspini, E. 2007. "Changing femininities, changing masculinities social change, gender identities and sexual orientations". *Sociological Research Online*, 12(1). <http://www.socresonline.org.uk/12/1/ruspini.html>.
- Waller, M., McLanahan, S. 1999. Unmarried parents and models of fatherhood: New or conventional ideas about paternal involvement?. In American Sociological Association Annual Meeting. Chicago.
- Williams, S. 2008. "What is fatherhood? Searching for reflexive father". *Sociology*, 42(3), pp. 487-502.